

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 20/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 29/6/2020

V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Lê Huy

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Bà Lý Thị Bé Năm.

+ Ông Huỳnh Ngọc Trứ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Cảnh, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang: Bà Nguyễn Thị Liễu, Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 60/2020/TLST-ST ngày 03 tháng 3 năm 2020 về Ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Nguyễn S, sinh năm 1956 (có mặt);

Địa chỉ: ấp Đ, xã M, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

Bị đơn: Nguyễn N, sinh năm 1977 (có mặt);

Địa chỉ: ấp Đ, xã M, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 26 tháng 02 năm 2020 và quá trình tố tụng, nguyên đơn Nguyễn S trình bày:

Ông và bà Nguyễn N kết hôn với nhau năm 2007, không đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau. Do mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên hai bên tách ra sống riêng và đã ly thân từ thời điểm đó. Nhận thấy hôn nhân không hạnh phúc, không hàn gắn được nên ông yêu cầu được ly hôn với bà Nguyễn N.

Về quan hệ con chung: có 01 con chung tên Nguyễn T, sinh ngày 30/01/2009, hiện đang sinh sống cùng ông, bà. Ông đồng ý giao con chung cho bà Nguyễn N nuôi, ông sẽ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, mỗi tháng 1.000.000 đồng, cấp dưỡng từ tháng 7/2020 đến khi con chung thành niên.

Về quan hệ tài sản chung: Ông Nguyễn S yêu cầu Tòa án không giải quyết tài sản chung.

* Tại bản khai ngày 31 tháng 3 năm 2020, bị đơn Nguyễn N trình bày: Bà thống nhất ý kiến trình bày của ông Nguyễn S về việc ông bà sống chung như vợ chồng, không đăng ký kết hôn, quan hệ con chung, quan hệ tài sản chung. Theo yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn S, bà đồng ý ly hôn vì cuộc sống chung giữa ông bà thường xuyên bất đồng quan điểm, không hạnh phúc. Bà đồng ý nuôi con chung sau khi chấm dứt quan hệ như vợ chồng, ông Nguyễn S cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, mỗi tháng 1.000.000 đồng, cấp dưỡng từ tháng 7/2020 đến khi con chung thành niên. Bà thống nhất yêu cầu không giải quyết tài sản chung trong vụ án này.

* Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang về việc tuân theo pháp luật tố tụng và về việc giải quyết vụ án: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng trong quá trình xét xử vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về giải quyết vụ án, căn cứ các điều 14, 15, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội, đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ giữa ông Nguyễn S và bà Nguyễn N là quan hệ vợ chồng, giao con chung cho bà Nguyễn N nuôi dưỡng, ông Nguyễn S cấp dưỡng nuôi con 1.500.000 đồng/tháng.

* Trong quá trình tố tụng, nguyên đơn Nguyễn S cung cấp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ sau: Bản tự khai ngày 26/02/2020; bản sao Giấy khai sinh con chung; bản sao Giấy chứng minh nhân dân của Nguyễn S; bản sao Sổ HKTT của Nguyễn N cung cấp tài liệu, chứng cứ: Bản khai ngày 31/3/2020. Tòa án thu thập tài liệu, chứng cứ: Biên bản xác minh nguyên nhân tranh chấp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn S và bà Nguyễn N tự nguyện sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 2008, không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc, nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tình tình không phù hợp nhau. Do mâu

thuần ngày càng trầm trọng nên hai bên thống nhất chấm dứt quan hệ sống chung như vợ chồng.

Xét thấy, quan hệ sống chung như vợ chồng giữa ông Nguyễn S và bà Nguyễn N xác lập từ năm 2008, mặc dù đủ điều kiện đăng ký kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, do vậy quan hệ sống chung của hai bên không được pháp luật công nhận là quan hệ vợ chồng. Căn cứ Điều 14, Điều 53, Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình số 52/2014/QH13, Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ giữa ông Nguyễn S và bà Nguyễn N là vợ chồng.

[2]. Về quan hệ con chung: Ông Nguyễn S và bà Nguyễn N có 01 con chung tên Nguyễn T, sinh ngày 30/01/2009. Ông Nguyễn S và bà Nguyễn N thống nhất giao con chung cho bà Nguyễn N nuôi sau khi chấm dứt quan hệ sống chung, ông Nguyễn S cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, mỗi tháng 1.000.000 đồng, cấp dưỡng từ tháng 7/2020 đến khi con chung thành niên. Xét thấy thỏa thuận giữa các đương sự là tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử công nhận.

[3]. Về quan hệ tài sản chung: Ông Nguyễn S và bà Nguyễn N thống nhất yêu cầu Tòa án không giải quyết tài sản chung.

[4]. Về án phí sơ thẩm: căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án, ông Nguyễn S phải chịu án phí sơ thẩm không có giá ngạch đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng và cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng.

[5]. Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang là phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 14, Điều 53, Điều 58, Điều 81 và Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 28, Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án.

1. Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Nguyễn S và bà Nguyễn N
2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về con chung như sau: Giao con chung tên Nguyễn T, sinh ngày 30/01/2009 cho bà Nguyễn N nuôi. Ông

Nguyễn S cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, mỗi tháng 1.000.000 đồng, cấp dưỡng từ tháng 7/2020 đến khi con chung thành niên.

Bà Nguyễn N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn S phải chịu 300.000 đồng án phí về ly hôn và 300.000 đồng án phí về cấp dưỡng. Chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm mà ông S đã nộp (biên lai thu số 0000474 ngày 26/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang) thành án phí sơ thẩm, ông S phải nộp tiếp 300.000 đồng.

4. Về quyền kháng cáo: Ông Nguyễn S, bà Nguyễn N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

* **Nơi nhân:**

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND thị xã Cai Lậy;
- Chi cục THADS thị xã Cai Lậy;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Lê Huy